TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN B** **TỈNH SƠN LA**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập- Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2022/HNGĐ-ST
Ngày 05-7- 2022
V/v Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN B, TỈNH SƠN LA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ toạ phiên toà: Ông Quàng Văn Thủy;

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thu Trang và bà Hoàng Thị Ngân.

- Thư ký phiên toà: Bà Đinh Thị Viên là Thư ký Toà án nhân dân huyện B, tỉnh Sơn La.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B, tỉnh Sơn La tham gia phiên toà : Ông Nguyễn Thế Hùng - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện B, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 27/2022/TLST- HNGĐ, ngày 27 tháng 5 năm 2022 về Ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 06/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 6 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 02/2022/QĐST - HNGĐ ngày 30/6/2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Đinh Thị G; Nơi cư trú: Bản T, xã T, huyện B, tỉnh Sơn La; vắng mặt có lý do, xin giải quyết, xét xử vắng mặt.

- *Bị đơn*: Anh Lò Văn L; Nơi cư trú: Bản P, xã M, huyện B, tỉnh Sơn La; vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 11/01/2022, bản tự khai nguyên đơn là chị Đinh Thị G trình bày: Chị và anh Lò Văn L tìm hiểu và đi đến kết hôn có đăng ký kết hôn ngày 08/5/2019 tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện B, tỉnh Sơn La trên cơ sở tự nguyện. Cuộc sống chung của vợ chồng hạnh phúc được một thời gian thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân của mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung, cuộc sống chung không thể hòa hợp, trong cuộc sống thường xuyên sảy ra cãi vã; hai vợ chồng bắt đầu sống ly thân từ tháng 01 năm 2022 đến nay. Khi phát sinh mâu thuẫn đã được gia đình hai bên hòa giải nhưng không thành. Đến nay, chị G nhận thấy tình cảm vợ

chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho được ly hôn anh L.

Về con chung: Trong thời gian chung sống chị G và anh L có một con chung là cháu Lò Minh H, sinh ngày 27/02/2019. Hiện tại cháu Lò Minh H đang ở chung cùng với ông bà nội của cháu là ông Lò Văn P và bà Lừ Thị N, cư trú tại bản P, xã M, huyện B, tỉnh Sơn La. Chị G có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu cho đến khi cháu trưởng thành, đủ 18 tuổi và không yêu cầu anh Lò Văn L phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án.

Về vay nợ chung: Vợ chồng không vay nợ của ai, không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án.

Do điều kiện hoàn cảnh đi làm ăn xa, không xin công ty nghỉ được nên chị Giang không thể về để giải quyết việc Ly hôn, do đó chị Đinh Thị G có đơn xin giải quyết, xét xử vắng mặt.

Trong thời hạn chuẩn bị xét xử, Tòa án đã nhiều lần triệu tập bị đơn anh Lò Văn L lên ghi ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của chị Đinh Thị G nhưng anh L nhiều lần từ chối nhận văn bản tố tụng của Tòa án và không đến Tòa án do vậy Tòa án không ghi nhận được ý kiến của anh L đối với yêu cầu khởi kiện của chị Đinh Thị G.

Do nguyên đơn chị Đinh Thị G có đơn yêu cầu không mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và không tiến hành hòa giải, Tòa án đã nhiều lần triệu tập bị đơn anh Lò Văn L lên để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh L vẫn vắng mặt không có lý do. Vì vậy Tòa án không tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải.

Đại diện Viện kiểm sát ý kiến: Thẩm phán đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định tại Điều 203 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về xét xử sơ thẩm vụ án. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật, bị đơn đã được tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng nhiều lần không ghi ý kiến của mình đối với yêu cầu của nguyên đơn và cố ý vắng mặt không có lý do. Tòa án đã tiến hành đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung thực hiện theo quy định tại Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự. Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 227, Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, 53, 57, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; điểm đ, khoản 1, điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đinh Thị G, yêu cầu ly hôn với anh Lò Văn L; giao cháu Lò Minh H, sinh ngày 27/02/2019 cho chị Đinh Thị G trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục, anh L không phải cấp

dưỡng nuôi con chung; về tài sản chung, nợ chung không yêu cầu Tòa án giải quyết; đương sự được miễn án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Theo đơn khởi kiện và yêu cầu, đề nghị của các đương sự. Hội đồng xét xử xác định đây là vụ án "Ly hôn" do nguyên đơn chị Đinh Thị G khởi kiện đối với bị đơn anh Lò Văn L có nơi cư trú bản P, xã M, huyện B, tỉnh Sơn La. Căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Sơn La.

[2] Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Đinh Thị G và bị đơn anh Lò Văn L đã được thông báo, triệu tập hợp lệ nhưng nguyên đơn chị Đinh Thị G có đơn xin giải quyết, xét xử vắng có lý do, bị đơn anh Lò Văn L được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn cố tình vắng mặt không có lý do, nên Tòa án không thể tiến hành được thủ tục hòa giải và quyết định xét xử vắng mặt chị Đinh Thị G, anh Lò Văn L theo quy định tại khoản 1 Điều 227, Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Đinh Thị G và anh Lò Văn L tìm hiểu và đi đến kết hôn có đăng ký kết hôn ngày 08/5/2019 tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện B, tỉnh Sơn La trên cơ sở tự nguyện. Cuộc sống chung của vợ chồng hạnh phúc được một thời gian thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân của mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung, cuộc sống chung không thể hòa hợp, trong cuộc sống thường xuyên sảy ra cãi vã; hai vợ chồng bắt đầu sống ly thân từ tháng 01 năm 2022 đến nay. Khi phát sinh mâu thuẫn đã được gia đình hai bên hòa giải nhưng không thành. Nhận thấy, từ tháng 01 năm 2022 đến nay chị G và anh L không còn chung sống với nhau, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, bản thân chị G cũng xác định không còn tình cảm với anh L, và xin được ly hôn với anh L. Do vậy, cần căn cứ vào khoản 1 Điều 51 Luật hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị G.

[4] Về con chung, cấp dưỡng nuôi con chung: Trong thời gian chung sống, chị Đinh Thị G và anh Lò Văn L có một người con chung là cháu Lò Minh H, sinh ngày 27/02/2019, *(Hiện tại cháu Lò Minh H đang ở chung cùng với ông bà nội của cháu là ông Lò Văn P và bà Lừ Thị N, cư trú tại bản P, xã M, huyện B, tỉnh Sơn La)*. Anh L thì thường xuyên vắng nhà, bỏ mặc cho ông bà chăm sóc con. Chị Đinh Thị G có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc cháu, không yêu cầu anh Lò Văn L cấp dưỡng nuôi con chung. Bản thân anh L do Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhiều lần để xem xét ý kiến, nguyện vọng về con chung nhưng anh L vẫn cố tình vắng mặt, không thể lấy ý kiến của anh L về con chung. Cháu Lò Minh H còn nhỏ hiện tại vừa được 03 tuổi 04 tháng, khi chị G

và anh L không còn chung sống cần xem xét phân chia trách nhiệm nuôi con chung, tuy nhiên việc giao con cho ai nuôi cần phải xem xét mọi mặt và quyền lợi của con chưa thành niên, hiện tại cháu đang ở cùng ông bà nội, tuổi đã cao, bản thân anh L đi làm thường xuyên vắng nhà, không có điều kiện, thời gian chăm sóc cháu, chị Đinh Thị G có thu nhập ổn định với mức lương 10.190.000 đồng /tháng, đảm bảo đầy đủ khả năng, điều kiện chăm sóc, nuôi dưỡng cháu H phát triển lành mạnh về thể chất, tinh thần. Do đó, để đảm bảo lợi ích mọi mặt của cháu Lò Minh H, cần giao cháu Lò Minh H cho chị Đinh Thị G trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến khi cháu trưởng thành, đủ 18 tuổi theo quy định tại Điều 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, anh Lò Văn L không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ chăm nom con mà không ai được cản trở.

[5] Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do vậy, Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết về tài sản chung trong vụ án.

[6] Về vay nợ chung: Chị Đinh Thị G xác định không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do vậy, Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[7] Về án phí: Quyết định 612/QĐ-UBDT ngày 16/9/2021 của Ủy ban dân tộc phê duyệt danh sách thôn đặc biệt khó khăn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2025, thì chị Đinh Thị G và anh Lò Văn L là người dân tộc thiểu số sinh sống tại nơi có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn thuộc trường hợp được miễn án phí theo quy định tại điểm đ, khoản 1, Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu,miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Do vậy Tòa cần xem xét miễn án phí cho các đương sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Khoản 1 Điều 51, Điều 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Điểm a khoản 5, điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Đinh Thị G được ly hôn với anh Lò Văn L.

2. Về con chung: Giao cháu Lò Minh H, sinh ngày 27/02/2019 cho chị Đinh Thị G trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến khi cháu trưởng thành, đủ 18 tuổi. Anh Lò Văn L không phải cấp dưỡng nuôi con chung. *(Hiện tại cháu Lò Minh H đang ở chung cùng với ông bà nội của cháu là ông Lò Văn P và bà Lừ Thị N, cư trú tại bản P, xã M, huyện B, tỉnh Sơn La)*

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3. Về tài sản chung và vay nợ chung: Đương sự không yêu cầu, Tòa án không giải quyết trong vụ án.

4. Về án phí: Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho các đương sự.

Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án, hoặc bản án được niêm yết theo quy định chung của pháp luật.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Sơn La;
- VKSND huyện B;
- Chi cục THADS huyện B;
- UBND xã M;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)

Quàng Văn Thủy